TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 28/8/2020
V/v Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Lợi, ông Trần Đình Đường

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lý Văn Dương – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M , sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm Ngư Phong (nay là xóm 1), xã T, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1991. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm Ngư Phong (nay là xóm 1), xã T, huyện N, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Mtrình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An vào ngày 09/02/2010. Sau khi kết hôn và sinh con được một tuổi thì hai vợ c H đi xuất khẩu lao động ở hai nước khác nhau. Chị H đi Malaysia, anh M đi Đài Loan. Năm 2017, hết hạn hợp đồng anh M về Việt Nam, đến năm 2018 thì chị H cũng về Việt Nam. Sau khi về nước được 3 tháng, chị H tiếp tục đi lao động tại Nhật Bản. Anh M không đồng ý nên vợ c H phát sinh mâu thuẫn. Từ khi sang Nhật Bản cho đến nay, chị H

không còn liên lạc về với anh M, không quan tâm chăm sóc gia đình, c H con. Anh M nhận thấy vợ c H sống xa nhau quá lâu, không tôn trọng nhau, tình cảm vợ c H không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có 1 con chung là Nguyễn Quang H , sinh ngày 01/02/2011. Kể từ khi chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, cháu được anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, anh M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang H và không yêu cầu chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía chị Nguyễn Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án kèm theo đơn kh ởi kiện và bản tự khai của anh Nguyễn Văn M; yêu cầu chị H có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử ; … cho chị Nguyễn Thị H thông qua bà Nguyễn Thị H là mẹ của chị H; đồng thời tiến hàn h niêm yết các văn bản tố tụng nêu trên tại trụ sở UBND xã Phúc Thọ và nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam của chị H, nhưng hiện tại chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Quá trình xác M được bà Nguyễn Thị H cung cấp: Chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ năm 2018 cho đến nay chưa về Việt Nam. Thỉnh thoảng chị H có liên lạc với gia đình qua mạng xã hội nhưng gia đình không biết được địa chỉ cụ thể của chị H để cung cấp cho Tòa án. Chị H đã biết được việc anh M khởi kiện ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Qua trao đổi, Chị H cho biết, chị hoàn toàn thống nhất với ý kiến và yêu cầu của anh M.

Cháu Nguyễn Quang H là con chung của anh M, chị H trình bày ý kiến: Cháu đã biết được bố M làm đơn ly hôn mẹ H tại Toà án, hiện nay cháu đang ở với bố. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến : Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán , Thư ký , Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng quy định . Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình Tòa án thụ lý , giải quyết vụ án , anh M không cung cấp được địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Căn cứ vào tài liệu do Cục xuất nhập cảnh cung cấp và lời khai của bà Nguyễn Thị H là mẹ của chị H có căn cứ xác định chị H đang cư trú ở nước ngoài và thường xuyên liên hệ với gia đình nhưng bà H không biết địa chỉ cụ thể c ủa chị H để cung cấp cho Tòa án nên xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa

chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định và áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho anh Nguyễn Văn Mđược ly hôn chị Nguyễn Thị H, giao con chung cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng; anh M chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên dành quyền khởi kiện cho anh M khi có yêu cầu; về tài sản chung: Anh M không yêu cầu nên miễn xét, dành quyền khởi kiện cho chị H khi có yêu cầu. Buộc anh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H hiện đang ở nước ngoài . Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án , theo bà Nguyễn Thị H là mẹ của chị Nguyễn Thị H xác định thì chị H hiện đang lao động tại Nhật Bản, mặc dù không biết nơi cư trú cụ thể, nhưng chị H thường xuyên liên lạc về cho gia đình, chị H đã biết được việc anh M xin ly hôn chị và chị cũng đồng ý với ý kiến và yêu cầu xin ly hôn của anh M nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của chị H cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị H cho Tòa án. Do đó, việc chị Nguyễn Thị H vắng mặt thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ, từ chối khai báo theo quy định tại Công văn số 253/TATC–PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hà nh xét xử vụ án theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2] Về quan hệ tình cảm: Anh Nguyễn Văn Mvà chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Theo anh Nguyễn Văn Mthì sau khi kết hôn và sinh con được một tuổi, hai vợ c H đi xuất khẩu lao động ở hai nước khác nhau. Năm 2017, hết hạn hợp đồng anh M về Việt Nam, năm 2018 chị H cũng về Việt Nam. Về nước được 3 tháng, chị H lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, kể từ đó hai vợ c H phát sinh mâu thuẫn. Vợ c H không còn liên lạc với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ c H không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, chị H đã biết được anh M làm đơn xin ly hôn anh thông qua

người thân nhưng chị H không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Xét thấy, thời gian anh M và chị H chung sống với nhau rất ngắn. Khi mâu thuẫn vợ c H phát sinh anh M và chị H sinh sống mỗi người một nơi nên không có điều kiện để hòa giải, hiện nay anh M xác định tình cảm vợ c H không còn. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Như vậy, hôn nhân giữa anh M và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Nguyễn Văn Mđược ly hôn với chị Nguyễn Thị H để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh M.

[3] Về con chung : Anh Nguyễn Văn Mvà chị Nguyễn Thị H có một con chung là Nguyễn Quang Huy, sinh ngày 01/02/2011, hiện đang do anh M nuôi dưỡng. Chị H đang ở nước ngoài, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; cháu Huy cũng có nguyện vọng được ở với bố nên cần giao con chung cho anh M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu và chị H cũng chưa có ý kiến nên Tòa án chưa xem xét. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo anh Nguyễn Văn M, vợ chồng không có tài sản chung , không có nợ chung , không yêu cầu Tòa án giải quyết . Tuy nhiên, hiện nay chị H chưa có ý kiến nên Tòa án chưa có cơ sở để xem xét . Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Mphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 3 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Cho anh Nguyễn Văn Mđược ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang H , sinh ngày 01/02/2011 cho anh Nguyễn Văn Mtrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn Mchưa yêu cầu và chị Nguyễn Thị H chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa xem xét. Chị Nguyễn Thị H có quyền

và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Mphải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003322 ngày 07/5/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Mcó quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H đang cư trú tại nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Từ